MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ II LỚP 2	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38

A. HỆ THỐNG ĐỀ THI

ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số gồm 6 trăm 3 chục 5 đơn vị được viết là:

A. 653. **B.** 635. **C.** 563. **D.** 536.

Câu 2. Có bao nhiêu khối cầu trong hình bên?

A. 4 khối cầu. **B.** 5 khối cầu. **C.** 6 khối cầu. **D.** 7 khối cầu.

Câu 3. Bình nhảy dây trong mấy phút?

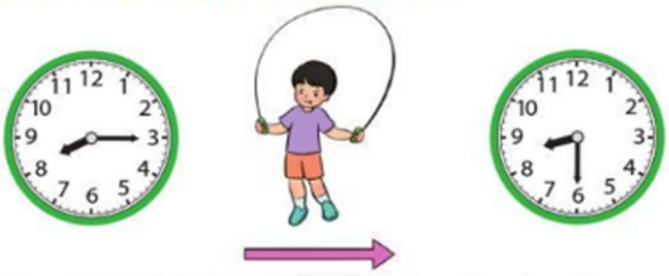

A. 5 phút. **B.** 10 phút. **C.** 15 phút. **D.** 20 phút.

Câu 4. Hôm nay là thứ Năm ngày 20 tháng 4. Vậy sinh nhật Linh vào ngày 01 tháng Năm là thứ mấy trong tuần?

A. Chủ nhật. **B.** Thứ Hai. **C.** Thứ Ba. **D.** Thứ Tư.

Câu 5. Tổng của 549 và số tròn trăm nhỏ nhất có ba chữ số là:

A. 559. **B.** 558. **C.** 550. **D.** 649.

Câu 6. Trong túi có 3 quả táo và 5 quả cam. Mật Mật không nhìn vào túi, lấy ra 4 quả. Vậy Mật Mật chắc chắn lấy được ít nhất mấy quả cam?

A. 3 quả. **B.** 2 quả. **C.** 1 quả. **D.** Không xác định được.

Câu 7. Con chó nặng 15 kg. Cân nặng của mỗi con thỏ như nhau. Mỗi con thỏ cân nặng là:

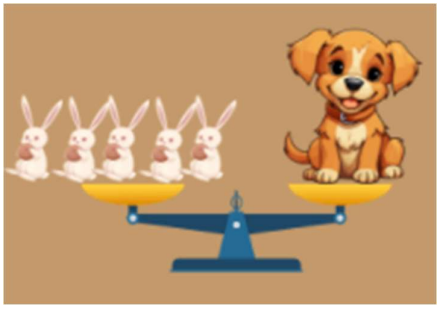

A. 2 kg. **B.** 3 kg. **C.** 4 kg. **D.** 5 kg.

Câu 8. Để về đến nhà, Kiến cần đi quãng đường dài bao nhiêu mét?

A. 500 m. **B.** 5 m. **C.** 45 m. **D.** 50 m.

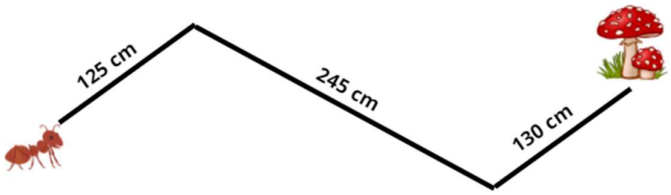

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

a) 493 – 128 b) 123 + 205 c) 752 – 48 d) 137 + 83

Bài 2. Điền dấu (>; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm.

a) 10 m : 2 ..... 340 cm + 160 cm.

b) 5 dm × 10 ..... 660 cm – 260 cm.

Bài 3. Vụ này, nhà My thu hoạch được 544 kg khoai tây, nhiều hơn vụ trước 93 kg. Hỏi vụ trước nhà My thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam khoai tây?

Bài 4. Có tất cả bao nhiêu số có ba chữ số khác nhau mà tổng các chữ số của nó bằng 6?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Mảnh vài màu gì dài nhất?

Mảnh vải	Xanh	Đỏ	Tím	Vàng
Độ dài	290 cm	40 dm	5 m	460 cm

A. Xanh. **B.** Đỏ. **C.** Tím. **D.** Vàng.

Câu 2. Trong các phép tính sau phép tính có kết quả lớn nhất là:

A. 342 + 38. **B.** 740 – 315. **C.** 138 + 159. **D.** 609 – 91.

Câu 3. Một số nhân với 5 thì được tích là 45. Vậy số đó là:

A. 8. **B.** 9. **C.** 10. **D.** 11.

Câu 4. Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau ghép được từ các chữ số 7, 3, 2, 9 là:

A. 999. **B.** 739. **C.** 973. **D.** 237.

Câu 5. Anh cao 154 cm, em thấp hơn anh 19 cm. Hỏi em cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 130 cm. **B.** 132 cm. **C.** 134 cm. **D.** 135 cm.

Câu 6. Tùng có một số đồ chơi như hình dưới đây. Nếu không nhìn để lấy một đồ chơi thì khả năng Tùng lấy được một con gấu bông là:

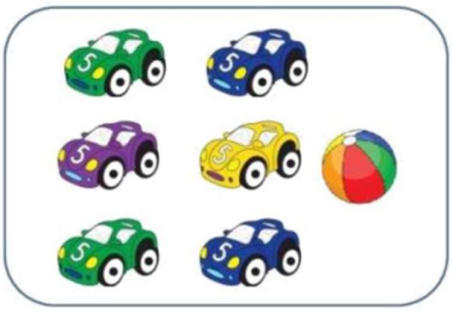

A. có thể. **B.** chắc chắn. **C.** không thể. **D.** không có đáp án.

Câu 7. Mẹ An đóng 4 bao thóc có cân nặng lần lượt là: 51 kg, 45 kg, 52 kg, 60 kg. Bố An dùng xe máy chở các bao thóc đi bán. Vì xe chỉ chở nhiều nhất 150 kg nên bố đã để lại một bao thóc. Bao thóc để lại cân nặng là:

A. 60 kg. **B.** 45 kg. **C.** 52 kg. **D.** 51 kg.

Câu 8. Hình dưới đây có bao nhiêu hình tứ giác?

A. 5. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 8.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

a) 665 + 37 b) 317 – 45 c) 567 – 368 d) 289 + 456

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ chấm:

a) Một bước chân của em không thể dài 2m .....

b) 930 m + 70 m chắc chắn lớn hơn 1 km .....

c) Hiệu của hai số tròn chục có thể là một số tròn chục .....

Bài 3. Khối lớp Hai và Ba của một trường tiểu học có số học sinh nam là 145 em, nhiều hơn số học sinh nữ là 29 em.

a) Hỏi khối lớp Hai và Ba của trường đó có tất cả bao nhiêu học sinh nữ?

b) Để giúp đỡ các bạn nhỏ vùng cao, mỗi học sinh của trường đã quyên góp 1 quyển vở. Hỏi khối lớp Hai và Ba đã quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

Bài 4. Hãy viết các số tròn chục có ba chữ số mà tổng các chữ số của chúng bằng 5.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số gồm 5 trăm, 2 đơn vị và 1 chục được viết là:

A. 521. **B.** 125. **C.** 512. **D.** 252.

Câu 2. Từ 300 đến 400 có tất cả bao nhiêu số tròn chục?

A. 9 số. **B.** 10 số. **C.** 11 số. **D.** 12 số.

Câu 3. Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

A. 50 : 5. **B.** 430 – 390. **C.** 5 × 9. **D.** 315 + 37 – 310.

Câu 4. Số?

2 × 6 > ? – 269 > 50 : 5

A. 290. **B.** 280. **C.** 281. **D.** 279.

Câu 5. Giờ vào lớp buổi chiều là 2 giờ chiều. Hôm qua, Bình đến lớp muộn mất 15 phút. Vậy Bình đến lớp lúc mấy giờ?

A. 13 giờ 30 phút. **B.** 13 giờ 15 phút. **C.** 14 giờ 15 phút. **D.** 15 giờ 15 phút.

Câu 6. Trong một tuần, An đi học từ thứ Hai đến thứ Sáu, nghỉ thứ Bảy và Chủ nhật. Vậy trong 4 tuần, số ngày An đi học là:

A. 14 ngày. **B.** 28 ngày. **C.** 20 ngày. **D.** 24 ngày.

Câu 7. Người ta trồng các cây xanh cách nhau 5 m. Vậy với đoạn đường dài 50 m có thể trồng được bao nhiêu cây xanh như thế? (Đầu và cuối con đường đều được trồng cây xanh).

A. 10 cây. **B.** 11 cây. **C.** 12 cây. **D.** 13 cây.

Câu 8. Hình dưới đây có bao nhiêu hình tứ giác?

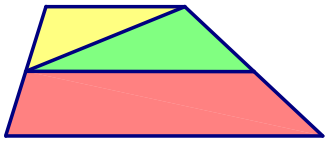

A. 3 hình. **B.** 4 hình. **C.** 5 hình. **D.** 6 hình.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính

a) 612 – 340 + 219 b) 578 + 407 – 673 c) 304 – 253 + 15

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho biểu đồ về số ngày có mưa trong bốn tuần của tháng Hai như sau:

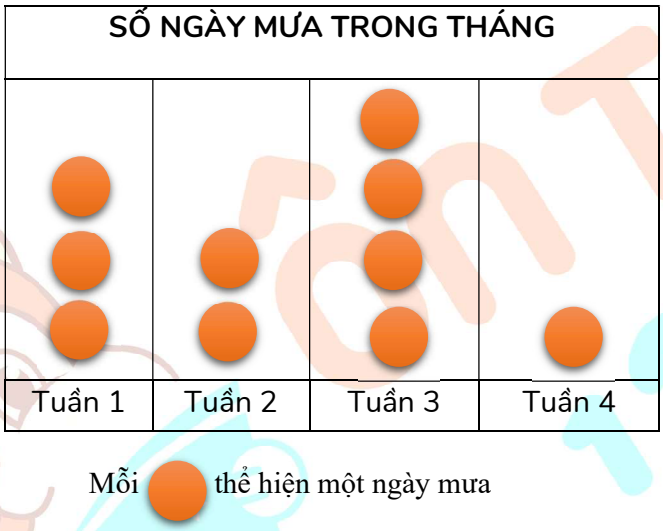

a) Tuần ..... có nhiều ngày mưa nhất.

b) Tuần ..... có ít ngày mưa nhất.

c) Tổng số ngày có mưa của cả bốn tuần là ..... ngày.

d) Tuần ..... có nhiều hơn 2 ngày mưa so với tuần 4.

Bài 3. Vì dịch bệnh kéo dài nên gia đình bạn Hùng đành phải rời Thành phố Hồ Chí Minh trở về quê nhà Quãng Ngãi. Cả gia đình đã đi được 470 km và còn phải đi 280 km nữa mới về đến nhà. Hỏi quãng đường gia đình bạn Hùng đi từ Thành phố Hồ Chí Minh về đến nhà dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài 4. Hiệu của số lớn nhất và số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau lập được từ các số 4, 7, 9, 2 là bao nhiêu?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số bé nhất có ba chữ số khác nhau là:

A. 100. **B.** 101. **C.** 102. **D.** 103.

Câu 2. Mỗi bàn có 2 chiếc ghế. Hỏi 6 bàn như thế có bao nhiêu chiếc ghế?

A. 10 chiếc. **B.** 12 chiếc. **C.** 14 chiếc. **D.** 16 chiếc.

Câu 3. Số thích hợp còn thiếu là:

A. 153. **B.** 151. **C.** 154. **D.** 155.

Câu 4. Số thích hợp cần điền vào chỗ trống là:

$$521 + \square = 625$$

A. 101. **B.** 102. **C.** 103. **D.** 104.

Câu 5. Trên cánh đồng A thu hoạch được 335 kg táo và nhiều hơn cánh đồng B 58 kg táo. Vậy cánh đồng B thu hoạch được số ki-lô-gam táo là

A. 277 kg. **B.** 393 kg. **C.** 383 kg. **D.** 267 kg.

Câu 6. Trong hộp bút của Nam gồm có bút chì, bút mực, thước kẻ, cục tẩy. Hỏi nếu nhắm mắt và lấy một đồ vật trong hộp bút của Nam, ta "không thể" lấy được vật nào sau đây?

A. Bút chì. **B.** Thước kẻ. **C.** Cục tẩy. **D.** Bút xoá.

Câu 7. Nếu thứ Sáu tuần này là ngày 26 tháng 4 thì thứ Tư tuần trước là ngày bao nhiêu tháng 4?

A. Ngày 17. **B.** Ngày 18. **C.** Ngày 19. **D.** Ngày 20.

Câu 8. Từ ba chữ số 4; 6; 8 em viết được bao nhiêu số có 3 chữ số khác nhau?

A. 3 số. **B.** 4 số. **C.** 5 số. **D.** 6 số.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Số liền trước số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là: .....

b) Số liền sau số tròn chục lớn nhất có ba chữ số là: .....

c) Số bé nhất có ba chữ số khác nhau là: .....

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) 198 + 210 = 408. ☐ b) 812 – 365 = 537. ☐

c) 506 – 249 = 357. ☐ d) 369 + 103 = 462. ☐

Bài 3. Nông trại nhà Hùng trồng rau sạch đến vụ thu hoạch, đợt đầu thu hoạch được 315 kg rau, đợt sau thu hoạch được 590 kg rau. Hỏi:

a) Đợt sau nông trại nhà Hùng thu hoạch được nhiều hơn đợt đầu bao nhiêu ki-lô-gam rau sạch?

b) Cả 2 đợt nhà Hùng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam rau sạch?

Bài 4. Khi thực hiện phép trừ 2 số, một bạn sơ ý viết sai như sau: Ở số trừ có chữ số hàng đơn vị là 6, bạn ấy đã viết thành 9 nên phép trừ có kết quả sai là: 79. Tìm hiệu ban đầu của phép trừ.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. 500 + 40 + 3 được viết thành:

A. 425. **B.** 445. **C.** 542. **D.** 543.

Câu 2. Chọn phương án thích hợp để điền vào chỗ chấm.

4 m + 5 m = ... cm.

A. 9. **B.** 90. **C.** 900. **D.** Không xác định được.

Câu 3. Em hãy tìm phép tính có kết quả đúng:

A. 729 + 5 = 734. **B.** 758 + 13 = 781.

C. 190 – 10 = 182. **C.** 364 + 254 = 518.

Câu 4. Có 40 học sinh xếp thành các hàng, mỗi hàng có 5 học sinh. Hỏi có bao nhiêu hàng?

A. 7 hàng. **B.** 8 hàng. **C.** 9 hàng. **D.** 10 hàng.

Câu 5. Quan sát hình vẽ dưới đây và cho biết:

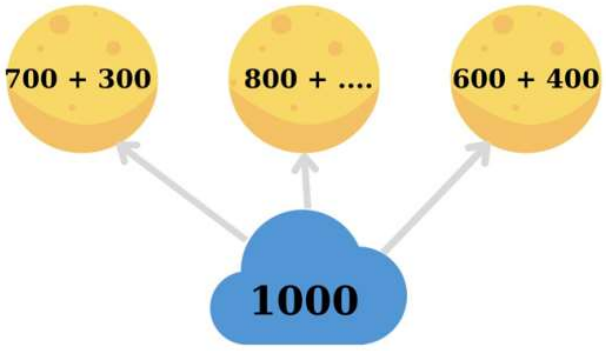

Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 200. **B.** 300. **C.** 400. **D.** 500.

Câu 6. Quan sát hình vẽ dưới đây và cho biết:

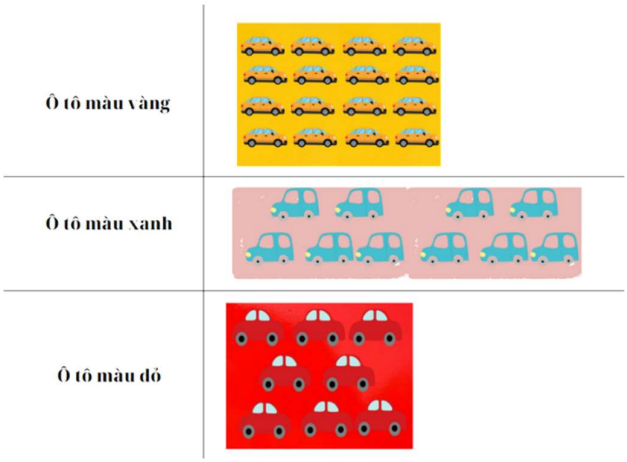

Ô tô màu đỏ ít hơn ô tô màu vàng bao nhiêu ô tô?

A. 5 ô tô. **B.** 6 ô tô. **C.** 7 ô tô. **D.** 8 ô tô.

Câu 7. Tờ tiền sau có giá trị là bao nhiêu đồng?

A. 2 đồng. **B.** 20 đồng. **C.** 200 đồng. **D.** 300 đồng.

Câu 8. Để về đến nhà, bạn chuột túi phải nhảy 888 bước nhưng lúc này chuột túi mới nhảy được 238 bước. Hỏi bạn chuột túi còn phải nhảy bao nhiêu bước nữa mới về đến nhà?

A. 888 bước. **B.** 238 bước. **C.** 605 bước. **D.** 650 bước.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm)

a) Sắp xếp các số: 563, 579, 529, 826, 680, 502, 914 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Sắp xếp các số: 435, 670, 204, 684, 118, 112, 102 theo thứ tự từ lớn đến bé.

Bài 2. Điền các dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ chấm.

100 cm ..... 1 m.

40 dm ..... 99 m.

60 m ..... 400 cm.

Bài 3. Sáng nay cửa hàng bánh mì ra lò 101 chiếc bánh gồm bánh tròn và bánh dài. Có 10 vị khách vào mua hàng, mỗi người mua 5 chiếc. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc bánh mì?

Bài 4. Hãy tìm số có ba chữ số mà hiệu của chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục bằng 0, còn hiệu của chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 9.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số "**Ba trăm hai mươi lăm**" được viết là:

A. 352. **B.** 325. **C.** 525. **D.** 235.

Câu 2. Cho dãy số sau: 345; 445; 545; 645; 745.

Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong dãy số trên là:

A. 200. **B.** 300. **C.** 400. **D.** 500.

Câu 3. Quan sát hình dưới đây và cho biết:

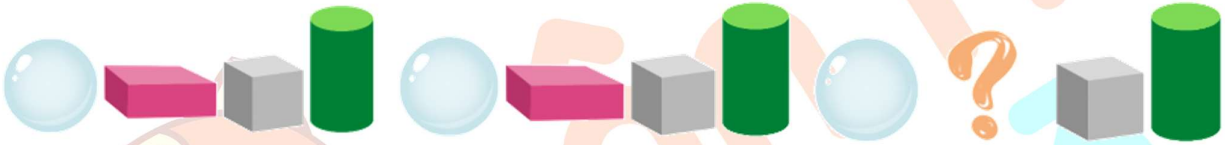

Hình điền vào dấu ? là:

A. **B.** **C.** **D.**

Câu 4. Tờ tiền sau có giá trị là bao nhiêu?

A. 100 đồng. **B.** 200 đồng. **C.** 500 đồng. **D.** 700 đồng.

Câu 5. Biết sải tay của Hương dài khoảng 1 m. Hương đo chiều dài của bảng lớp dài khoảng 4 sải tay. Hỏi chiều dài của bảng lớp khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 200 cm. **B.** 300 cm. **C.** 400 cm. **D.** 500 cm.

Câu 6. Hiệu của hai số sẽ thay đổi như thế nào nếu tăng số bị trừ lên 27 đơn vị?

A. Hiệu tăng 27 đơn vị. **B.** Hiệu giảm 27 đơn vị.

C. Hiệu tăng 54 đơn vị. **D.** Hiệu giảm 54 đơn vị.

Câu 7. Bạn Hoa đếm trong chuồng cả gà và vịt có tất cả 18 cái chân. Hỏi có tất cả bao nhiêu con gà và vịt?

A. 7 con. **B.** 8 con. **C.** 9 con. **D.** 10 con.

Câu 8. Quan sát hình vẽ sau và cho biết:

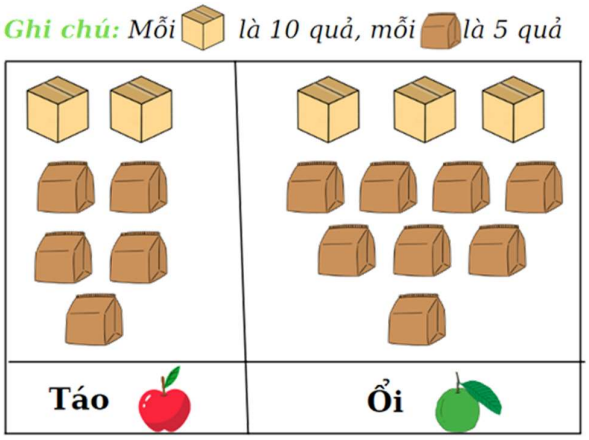

Có tất cả bao nhiêu quả táo và quả ổi trong hình vẽ trên?

A. 45 quả táo. **B.** 146 quả táo. **C.** 100 quả táo. **D.** 115 quả.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Viết các số dưới đây thành tổng của trăm, chục, đơn vị (theo mẫu):

Mẫu: 456 = 400 + 50 + 6

a) 527 = ... + 20 + ...

b) 705 = 700 + ...

c) 870 = ... + 70.

d) 727 = ... + ... + 7.

Bài 2. Điền các dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ chấm

a) 527 + 209 ..... 920 – 125

b) 318 – 167 ..... 105 + 96

c) 1000 – 751 ..... 154 + 95

Bài 3. Quyển truyện của Quân dày 273 trang, quyển truyện của Quang dày hơn quyển truyện của Quân 29 trang và dày hơn quyển truyện của Tuấn 57 trang. Hỏi:

a) Quyển truyện của Quang dày bao nhiêu trang?

b) Quyển truyện của Tuấn dày bao nhiêu trang?

Bài 4. Người ta viết liên tiếp các chữ số thành dãy: MATHMATHMATH .....

Hỏi chữ cái thứ 40 của dãy là chữ cái nào?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số gồm "9 trăm và 8 đơn vị" được viết là:

A. 980. **B.** 908. **C.** 890. **D.** 809.

Câu 2. Con chó cân nặng là:

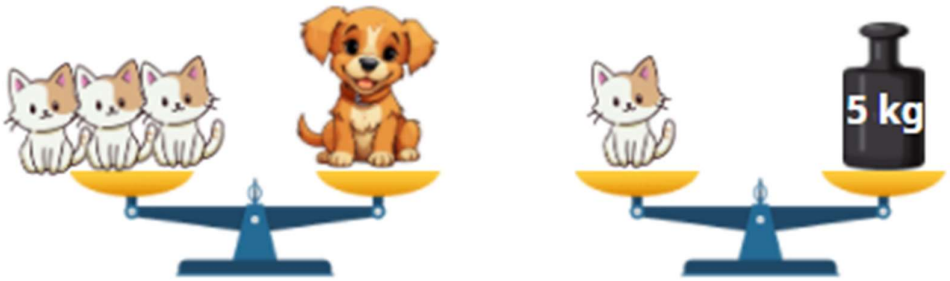

A. 5 kg. **B.** 10 kg. **C.** 15 kg. **D.** 20 kg.

Câu 3. Số liền sau của số 526 là kết quả của phép tính:

A. 142 + 384. **B.** 850 – 323. **C.** 429 + 108. **D.** 617 – 190.

Câu 4. Cho dãy số: 102; 112; 122; ..... ; ..... ; 152; 162.

Hai số điền vào chỗ trống lần lượt là:

A. 132; 133. **B.** 132; 142. **C.** 142; 152. **D.** 122; 132.

Câu 5. Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

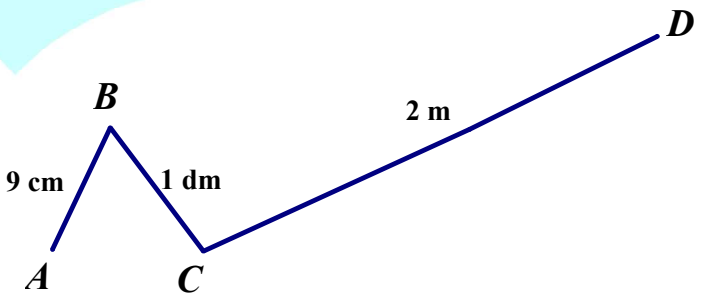

A. 12 cm. **B.** 120 cm. **C.** 219 cm. **D.** 21 cm.

Câu 6. Tờ tiền mệnh giá nhỏ nhất là tờ tiền nào?

A.

B.

C.

D.

Câu 7. Hôm nay là thứ Tư, ngày 15 tháng 4. Vậy sinh nhật Mai vào ngày 24 tháng 4 là vào thứ mấy trong tuần?

A. Thứ Ba. **B.** Thứ Tư. **C.** Thứ Năm. **D.** Thứ Sáu.

Câu 8. Hình dưới đây có bao nhiêu hình tứ giác?

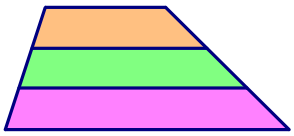

A. 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 6.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

a) 209 + 327 b) 459 + 41 c) 700 – 35 d) 821 – 307

Bài 2. Điền các số thích hợp vào ô trống

a)

b)

Bài 3. Chiều nay trạm y tế phường đã tiêm vắc xin cho 245 người, ít hơn sáng nay 160 người. Hỏi:

a) Sáng nay trạm y tế phường đã tiêm vắc xin cho bao nhiêu người?

b) Cả 2 buổi trạm y tế đã tiêm vắc xin cho bao nhiêu người?

Bài 4. Sau khi thêm vào số lớn 109 đơn vị và bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì tổng hai số bằng 720. Tìm tổng hai số ban đầu.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Có bao nhiêu số lớn hơn 302 và nhỏ hơn 309.

A. 5 số. **B.** 6 số. **C.** 7 số. **D.** 8 số.

Câu 2. Phép tính nào có kết quả bé nhất?

A. 536 + 147. **B.** 829 + 156. **C.** 375 + 251. **D.** 476 + 293.

Câu 3. Quan sát hình sau và cho biết:

Trong hình trên, có bao nhiêu đồ vật có dạng khối trụ?

A. 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 6.

Câu 4. Biểu đồ tranh sau cho biết khối lượng tiêu thụ của một số loại rau củ trong một cửa hàng:

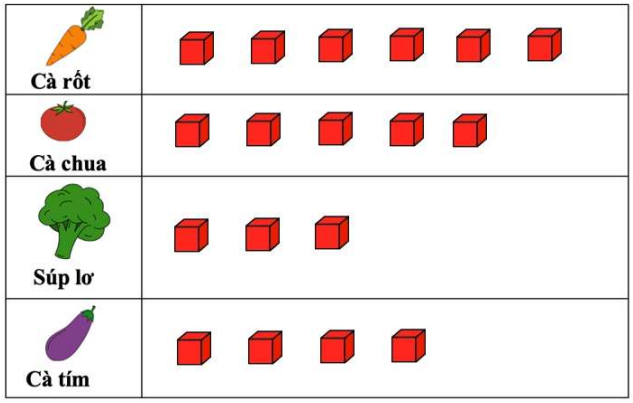

Mỗi hình thể hiện 5kg.

Quan sát biểu đồ tranh và cho biết lượng cà rốt tiêu thụ được nhiều hơn cà tím là bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 5kg. **B.** 10kg. **C.** 15kg. **D.** 20kg.

Câu 5. Con voi cân nặng 434 kg, con gấu nhẹ hơn con voi 127 kg. Hỏi con gấu cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 324 kg. **B.** 307 kg. **C.** 315 kg. **D.** 351 kg.

Câu 6. Bố Lan cần mua gạch để lát sàn nhà. Biết mỗi hàng bố lát 5 viên, có 8 hàng như thế. Hỏi bố Lan cần mua bao nhiêu viên gạch để lát sàn nhà?

A. 40 viên. **B.** 50 viên. **C.** 45 viên. **D.** 30 viên.

Câu 7. Chủ nhật vừa rồi, Thảo được bố mẹ cho đi tham quan. Lúc đi hay về, Thảo đều xem đồng hồ và đều thấy kim ngắn chỉ số 8, kim dài chỉ số 12. Đố em biết Thảo được bố mẹ cho đi tham quan bao lâu biết Thảo đi và về trong cùng 1 ngày.

A. 4 giờ. **B.** 8 giờ. **C.** 16 giờ. **D.** 12 giờ.

Câu 8. Thỏ, Sóc, Nhím và Rùa cùng tham gia cuộc thi chạy. Trong vòng 1 phút, Thỏ chạy được 5 m và Sóc chạy được 7 m. Trong vòng 2 phút, Nhím chạy được 8 m. Trong vòng 5 phút, Rùa chạy được 10 m. Hỏi ai chạy nhanh nhất? (Biết rằng tốc độ chạy của các con vật không thay đổi trên cả quãng đường).

A. Thỏ. **B.** Sóc. **C.** Nhím. **D.** Rùa.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính

a) 1000 đồng – 200 đồng + 100 đồng

b) 500 đồng + 400 đồng - 600 đồng

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

Cho các số: 452 ; 608 ; 127; 327 ; 254.

a) Số bé nhất trong các số trên là: .....

b) Số lớn nhất trong các số trên là: .....

c) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong các số trên là: .....

Bài 3. Nhà bác Hùng thu hoạch được 259 kg mận. Nhà bác Long thu hoạch được nhiều hơn nhà bác Hùng 56 kg mận và ít hơn nhà bác Lâm 72 kg mận. Hỏi:

a) Nhà bác Long thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam mận?

b) Nhà bác Lâm thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam mận?

c) Cả ba nhà thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam mận?

Bài 4. Em hãy tìm số có ba chữ số mà chữ số hàng trăm nhân với 3 được chữ số hàng chục, chữ số hàng chục nhân với 3 được chữ số hàng đơn vị.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số "**Năm trăm sáu mươi tư**" được viết là:

A. 564. **B.** 645. **C.** 654. **D.** 456.

Câu 2. Chiều dài của cái thước kẻ học sinh khoảng 20 .....

A. km. **B.** m. **C.** dm. **D.** cm.

Câu 3. Mỗi hộp bánh có 5 chiếc bánh. Hỏi 10 hộp bánh như thế có tất cả bao nhiêu chiếc bánh?

A. 45 chiếc bánh. **B.** 30 chiếc bánh. **C.** 50 chiếc bánh. **D.** 40 chiếc bánh.

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

☐ : 2 = 8

Câu 5. Để đánh số trang từ 112 đến 118 của một cuốn sách ta phải dùng hết bao nhiêu chữ số?

A. 19 chữ số. **B.** 20 chữ số. **C.** 21 chữ số. **D.** 22 chữ số.

Câu 6. Cùng một quãng đường như nhau, Nam đi hết 50 phút, Tùng đi hết 1 giờ, Quân đi hết 65 phút, Tuấn đi hết 57 phút. Vậy người đi chậm nhất là:

A. Nam. **B.** Tùng. **C.** Quân. **D.** Tuấn.

Câu 7. Quan sát hình vẽ dưới đây và cho biết:

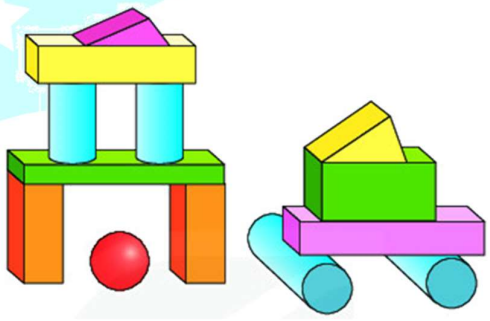

Số khối trụ nhiều hơn số khối cầu là:

A. 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 6.

Câu 8. Tổng của số bé nhất có ba chữ số và số lớn nhất có hai chữ số là:

A. 198. **B.** 200. **C.** 199. **D.** 203.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

528 kg – 91 kg + 103 kg = ... kg.

453 cm – 2 m + 53 cm = ... cm.

5 dm + 129 cm + 7 m = ... cm.

Bài 2. Độ dài đường gấp khúc MNPQTU dài 4 m, biết rằng đường gấp khúc này gồm 5 đoạn thẳng bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn thẳng dài bao nhiêu đề-xi-mét?

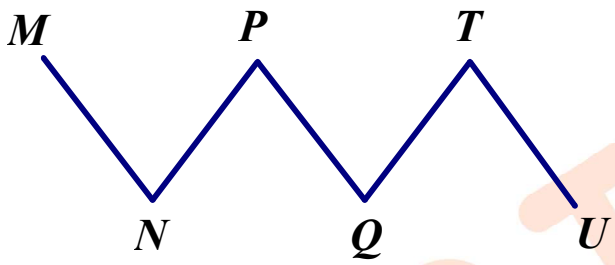

Bài 3. Hiệu hai số bằng 274, nếu giữ nguyên số bị trừ, bớt số trừ đi 19 đơn vị thì hiệu hai số khi đó bằng bao nhiêu?

Bài 4. Từ các chữ số: 3, 5, 2, 9 lập được bao nhiêu số có 3 chữ số khác nhau?

Trả lời: .....

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

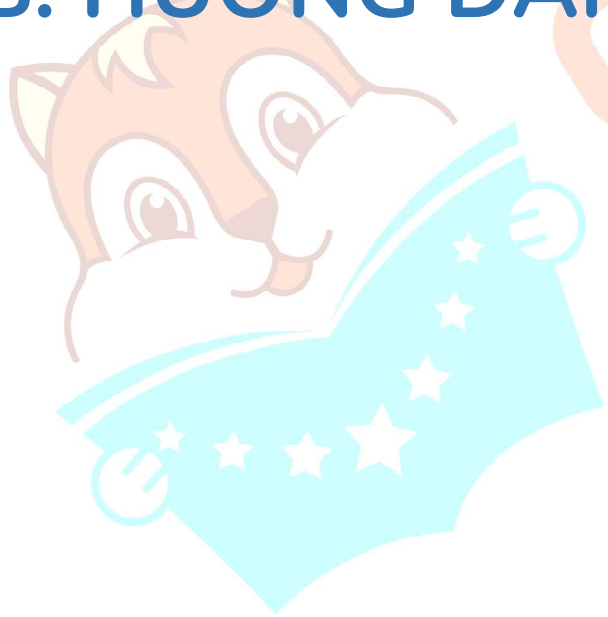

ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	B	D	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) 493 – 128 b) 123 + 205 c) 752 – 48 d) 137 + 83

Lời giải

a)
$$\begin{array}{r} 493 \\ -\ 128 \\ \hline 365 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 123 \\ +\ 205 \\ \hline 328 \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 752 \\ -\ 48 \\ \hline 704 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r} 137 \\ +\ 83 \\ \hline 220 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu (>; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm.

a) 10 m : 2 ..... 340 cm + 160 cm.

b) 5 dm × 10 ..... 660 cm – 260 cm.

Lời giải

a) 10 m : 2 = 5 m

340 cm + 160 cm = 500 cm = 5 m

Ta thấy: 5 m = 5 m do đó: 10 m : 2 = 340 cm + 160 cm.

b) 5 dm × 10 = 50 dm = 5 m

660 cm – 260 cm = 400 cm = 4 m

Ta thấy: 5 m > 4 m do đó: 5 dm × 10 > 660 cm – 260 cm.

Bài 3. (2 điểm) Vụ này, nhà My thu hoạch được 544 kg khoai tây, nhiều hơn vụ trước 93 kg. Hỏi vụ trước nhà My thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam khoai tây?

Lời giải

Vụ trước nhà My thu hoạch được số ki-lô-gam khoai tây là:

544 – 93 = 451 (kg).

Đáp số: 451 kg khoai tây.

Bài 4. (0,5 điểm) Có tất cả bao nhiêu số có ba chữ số khác nhau mà tổng các chữ số của nó bằng 6?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Có tất cả **14** số.

(Ta có: 6 = 1 + 2 + 3 ta viết được các số có 3 chữ số khác nhau là: 123 ; 132 ; 213 ; 231 ; 312; 321

6 = 0 + 1 + 5 ta viết được các số có 3 chữ số khác nhau là: 105 ; 150 ; 510; 501

6 = 0 + 2 + 4 ta viết được các số có 3 chữ số khác nhau là: 204; 240 ; 402; 420.

Do đó có tất cả: 6 + 4 + 4 = 14 số có ba chữ số khác nhau.

Vậy có tất cả 14 số.)

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	B	C	D	C	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) 665 + 37 b) 317 – 45 c) 567 – 368 d) 289 + 456

Lời giải

a)
$$\begin{array}{r} 665 \\ +\ 37 \\ \hline 702 \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 317 \\ -\ 45 \\ \hline 272 \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 567 \\ -\ 368 \\ \hline 199 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r} 289 \\ +\ 456 \\ \hline 745 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ chấm:

a) Một bước chân của em không thể dài 2m .....

b) 930 m + 70 m chắc chắn lớn hơn 1 km .....

c) Hiệu của hai số tròn chục có thể là một số tròn chục .....

Lời giải

a) Một bước chân của em không thể dài 2m là đúng. Vậy điền Đ.

b) 930 m + 70 m = 1000 m = 1 km.

Do đó 930 m + 70 m chắc chắn lớn hơn 1 km là sai. Vậy điền S.

c) Hiệu của hai số tròn chục có thể là một số tròn chục là đúng.

Ví dụ: 80; 10 là các số tròn chục và hiệu của hai số đó là: 80 – 10 = 70, cũng là một số tròn chục.

Vậy điền Đ.

Bài 3. (2 điểm) Khối lớp Hai và Ba của một trường tiểu học có số học sinh nam là 145 em, nhiều hơn số học sinh nữ là 29 em.

a) Hỏi khối lớp Hai và Ba của trường đó có tất cả bao nhiêu học sinh nữ?

b) Để giúp đỡ các bạn nhỏ vùng cao, mỗi học sinh của trường đã quyên góp 1 quyển vở. Hỏi khối lớp Hai và Ba đã quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

Lời giải

a) Khối lớp Hai và Ba của trường đó có tất cả số học sinh nữ là:

145 – 29 = 116 (học sinh).

b) Khối lớp Hai và Ba của trường đó có tất cả số học sinh là:

145 + 116 = 261 (học sinh).

Vì mỗi học sinh quyên góp 1 quyển vở nên khối lớp Hai và Ba của trường đó quyên góp được tất cả 261 quyển vở.

Đáp số: a) 116 học sinh nữ.

b) 261 quyển vở.

Bài 4. (0,5 điểm) Hãy viết các số tròn chục có ba chữ số mà tổng các chữ số của chúng bằng 5.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Các số đó là: 500; 140; 410; 230; 320.

(Ta có: 5 = 0 + 0 + 5 = 0 + 1 + 4 = 0 + 2 + 3

Vậy có tất cả 5 số tròn chục có ba chữ số mà tổng các chữ số của chúng bằng 5 là:

500; 140; 410; 230; 320.)

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	C	B	C	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Tính

a) 612 – 340 + 219 b) 578 + 407 – 673 c) 304 – 253 + 15

Lời giải

a) 612 – 340 + 219 = 272 + 219 = 491.

b) 578 + 407 – 673 = 985 – 673 = 312.

c) 304 – 253 + 15 = 51 + 15 = 66.

Bài 2. (1,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho biểu đồ về số ngày có mưa trong bốn tuần của tháng Hai như sau:

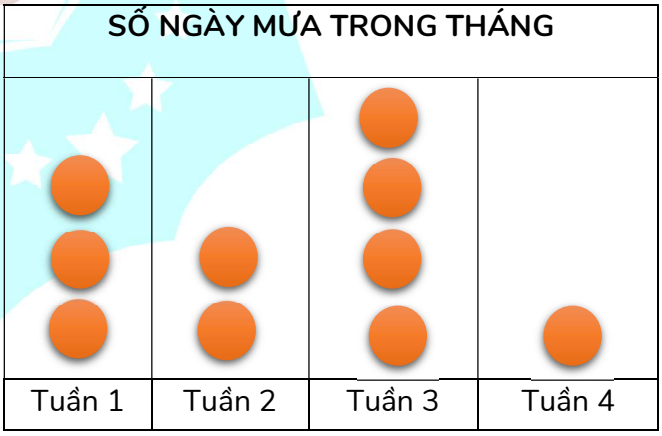

Mỗi ● thể hiện một ngày mưa

a) Tuần ..... có nhiều ngày mưa nhất.

b) Tuần ..... có ít ngày mưa nhất.

c) Tổng số ngày có mưa của cả bốn tuần là ..... ngày.

d) Tuần ..... có nhiều hơn 2 ngày mưa so với tuần 4.

Lời giải

Quan sát biểu đồ ta có:

Tuần 1 có 3 ngày mưa. Tuần 2 có 2 ngày mưa.

Tuần 3 có 4 ngày mưa. Tuần 4 có 1 ngày mưa.

Do đó:

a) Tuần **3** có nhiều ngày mưa nhất.

b) Tuần **4** có ít ngày mưa nhất.

c) Tổng số ngày mưa của cả bốn tuần là **10** ngày (vì 3 + 2 + 4 + 1 = 10).

d) Tuần **1** có nhiều hơn 2 ngày mưa so với tuần 4.

Bài 3. (2 điểm) Vì dịch bệnh kéo dài nên gia đình bạn Hùng đành phải rời Thành phố Hồ Chí Minh trở về quê nhà Quãng Ngãi. Cả gia đình đã đi được 470 km và còn phải đi 280 km nữa mới về đến nhà. Hỏi quãng đường gia đình bạn Hùng đi từ Thành phố Hồ Chí Minh về đến nhà dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Lời giải

Quãng đường gia đình bạn Hùng đi từ Thành phố Hồ Chí Minh về đến nhà dài số ki-lô-mét là:

470 + 280 = 750 (km).

Đáp số: 750 km.

Bài 4. (0,5 điểm) Hiệu của số lớn nhất và số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau lập được từ các chữ số 4, 7, 9, 2 là bao nhiêu?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Hiệu hai số đó là 727.

(Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau được lập từ các chữ số 4, 7, 9, 2 là: 974.

Số bé nhất có ba chữ số khác nhau được lập từ các chữ số 4, 7, 9, 2 là: 247.

Hiệu của hai số đó là: 974 – 247 = 727.

Vậy hiệu của số lớn nhất và số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau lập được từ các chữ số 4, 7, 9, 2 là 727.)

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	D	A	D	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Số liền trước số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là: .....

b) Số liền sau số tròn chục lớn nhất có ba chữ số là: .....

c) Số bé nhất có ba chữ số khác nhau là: .....

Lời giải

a) Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là: 987.

Số liền trước số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là: **986**.

b) Số tròn chục lớn nhất có ba chữ số là: 990.

Số liền sau số tròn chục lớn nhất có ba chữ số là: **991**.

c) Số bé nhất có ba chữ số khác nhau là: **102**.

Bài 2. (1,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) 198 + 210 = 408. ☐ b) 812 – 365 = 537. ☐

c) 506 – 249 = 357. ☐ d) 369 + 103 = 462. ☐

Lời giải

a) 198 + 210 = 408. Vậy điền Đ.

b) 812 – 365 = 447. Vậy điền S.

c) 506 – 249 = 257. Vậy điền S.

d) 369 + 103 = 472. Vậy điền S.

Bài 3. (2 điểm) Nông trại nhà Hùng trồng rau sạch đến vụ thu hoạch, đợt đầu thu hoạch được 315 kg rau, đợt sau thu hoạch được 590 kg rau. Hỏi:

a) Đợt sau nông trại nhà Hùng thu hoạch được nhiều hơn đợt đầu bao nhiêu ki-lô-gam rau sạch?

b) Cả 2 đợt nhà Hùng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam rau sạch?

Lời giải

a) Đợt sau nông trại nhà Hùng thu hoạch được nhiều hơn đợt đầu số ki-lô-gam rau sạch là:

590 – 315 = 275 (kg).

b) Cả 2 đợt nông trại nhà Hùng thu hoạch được số ki-lô-gam rau sạch là:

590 + 315 = 905 (kg).

Đáp số: a) 275 kg; b) 905 kg.

Bài 4. (0,5 điểm) Khi thực hiện phép trừ 2 số, một bạn sơ ý viết sai như sau: Ở số trừ có chữ số hàng đơn vị là 6, bạn ấy đã viết thành 9 nên phép trừ có kết quả sai là: 79. Tìm hiệu ban đầu của phép trừ.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Hiệu ban đầu là: 82.

(Vì ở số trừ có chữ số hàng đơn vị là 6 mà bạn ấy viết thành 9 nên số trừ đã tăng lên:

9 – 6 = 3 (đơn vị).

Số trừ tăng 3 đơn vị thì hiệu giảm đi 3 đơn vị.

Khi đó hiệu ban đầu là: 79 + 3 = 82.)

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	A	B	A	D	C	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm)

a) Sắp xếp các số: 563, 579, 529, 826, 680, 502, 914 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Sắp xếp các số: 435, 670, 204, 684, 118, 112, 102 theo thứ tự từ lớn đến bé.

Lời giải

a) Các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 502; 529; 563; 579; 680; 826; 914.

b) Các số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là: 684; 670; 435; 204; 118; 112; 102.

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ chấm.

100 cm ..... 1 m.

40 dm ..... 99 m.

60 m ..... 400 cm.

Lời giải

a) 100 cm = 1 m.

b) 40 dm = 4m. Nên 4 m < 99m.

Do đó: 40 dm < 99m.

c) 400 cm = 4 m. Nên 60 m > 4 m.

Do đó: 60 m > 400 cm.

Bài 3. (2 điểm) Sáng nay cửa hàng bánh mì ra lò 101 chiếc bánh gồm bánh tròn và bánh dài. Có 10 vị khách vào mua hàng, mỗi người mua 5 chiếc. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc bánh mì?

Lời giải

Cửa hàng đã bán được số chiếc bánh mì là:

$$5 \times 10 = 50 \text{ (chiếc).}$$

Cửa hàng còn lại số chiếc bánh mì là:

$$101 - 50 = 51 \text{ (chiếc).}$$

Đáp số: 51 chiếc bánh mì.

Bài 4. (0,5 điểm) Hãy tìm số có ba chữ số mà hiệu của chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục bằng 0, còn hiệu của chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 9.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số cần tìm là: 990.

(Vì chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị là các chữ số (từ 0 đến 9) mà hiệu của chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị là 9 nên chữ số hàng chục là 9, chữ số hàng đơn vị là 0.

Mà hiệu của chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục là 0 nên chữ số hàng trăm bằng chữ số hàng chục và bằng 9.

Vậy số cần tìm là 990.)

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	C	C	A	C	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Viết các số dưới đây thành tổng của trăm, chục, đơn vị (theo mẫu):

Mẫu: 456 = 400 + 50 + 6

a) 527 = ... + 20 + ...

b) 705 = 700 + ...

c) 870 = ... + 70.

d) 727 = ... + ... + 7.

Lời giải

a) 527 = **500** + 20 + **7**.

b) 705 = 700 + **5**.

c) 870 = **800** + 70.

d) 727 = **700** + **20** + 7.

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ chấm

a) 527 + 209 ..... 920 – 125

b) 318 – 167 ..... 105 + 96

c) 1000 – 751 ..... 154 + 95

Lời giải

a) 527 + 209 = 736 ; 920 – 125 = 795.

Vì 736 < 795 nên 527 + 209 < 920 – 125.

b) 318 – 167 = 151 ; 105 + 96 = 201.

Vì 151 < 201 nên: 318 – 167 < 105 + 96.

c) 1000 – 751 = 249 ; 154 + 95 = 249.

Vì 249 = 249 nên: 1000 – 751 = 154 + 95.

Bài 3. (2 điểm) Quyển truyện của Quân dày 273 trang, quyển truyện của Quang dày hơn quyển truyện của Quân 29 trang và dày hơn quyển truyện của Tuấn 57 trang. Hỏi:

a) Quyển truyện của Quang dày bao nhiêu trang?

b) Quyển truyện của Tuấn dày bao nhiêu trang?

Lời giải

a) Quyển truyện của Quang dày số trang là:

273 + 29 = 302 (trang).

b) Quyển truyện của Tuấn dày số trang là:

302 – 57 = 245 (trang).

Đáp số: a) 302 trang ; b) 245 trang.

Bài 4. (0,5 điểm) Người ta viết liên tiếp các chữ số thành dãy: MATHMATHMATH ....

Hỏi chữ cái thứ 40 của dãy là chữ cái nào?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Vậy chữ cái thứ 40 của dãy là chữ H.

(Dãy chữ gồm các từ MATH lặp lại được viết lần lượt bởi 4 chữ cái M, A, T, H.

Mà 40 = 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4

Chữ cái thứ 40 là chữ cái cuối cùng của nhóm MATH thứ 10.

Do đó chữ cái thứ 40 của dãy là chữ H.)

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	B	C	A	D	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) 209 + 327 b) 459 + 41 c) 700 – 35 d) 821 – 307

Lời giải

a)
$$\begin{array}{r} 209 \\ +\ 327 \\ \hline 536 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 459 \\ +\ 41 \\ \hline 500 \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 700 \\ -\ 35 \\ \hline 665 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r} 821 \\ -\ 307 \\ \hline 514 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào ô trống

a)

b)

Lời giải

Thực hiện lần lượt các phép tính ta có:

a) 325 + 460 = 785.

785 – 526 = 259.

Vậy ô trống cần điền lần lượt từ trái sang phải là: **785; 259**.

b) 506 – 81 = 425.

425 + 265 = 690.

Vậy ô trống cần điền lần lượt từ trái sang phải là: **425; 690.**

Bài 3. (2 điểm) Chiều nay trạm y tế phường đã tiêm vắc xin cho 245 người, ít hơn sáng nay 160 người. Hỏi:

a) Sáng nay trạm y tế phường đã tiêm vắc xin cho bao nhiêu người?

b) Cả 2 buổi trạm y tế đã tiêm vắc xin cho bao nhiêu người?

Lời giải

a) Sáng nay trạm y tế đã tiêm vắc xin cho số người là:

245 + 160 = 405 (người).

b) Cả 2 buổi trạm y tế đã tiêm vắc xin cho số người là:

245 + 405 = 650 (người).

Đáp số: a) 405 người ; b) 650 người.

Bài 4. (0,5 điểm) Sau khi thêm vào số lớn 109 đơn vị và bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì tổng hai số bằng 720. Tìm tổng hai số ban đầu.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Tổng hai số ban đầu là: 618.

(Thêm vào số lớn 109 đơn vị thì tổng hai số tăng thêm 109 đơn vị.

Bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì tổng hai số giảm đi 7 đơn vị.

Khi đó tổng hai số ban đầu là: 720 – 109 + 7 = 618.

Vậy tổng hai số ban đầu là: 618.)

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	A	B	B	A	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Tính

a) 1000 đồng – 200 đồng + 100 đồng

b) 500 đồng + 400 đồng – 600 đồng

Lời giải

a) 1000 đồng – 200 đồng + 100 đồng = 800 đồng + 100 đồng = 900 đồng.

b) 500 đồng + 400 đồng – 600 đồng = 900 đồng – 600 đồng = 300 đồng.

Bài 2. (1,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm

Cho các số: 452 ; 608 ; 127; 327 ; 254.

a) Số bé nhất trong các số trên là: .....

b) Số lớn nhất trong các số trên là: .....

c) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong các số trên là: .....

Lời giải

a) Số bé nhất trong các số trên là: **127.**

b) số lớn nhất trong các số trên là: **608.**

c) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong các số trên là: 608 – 127 = **481.**

Bài 3. (2 điểm) Nhà bác Hùng thu hoạch được 259 kg mận. Nhà bác Long thu hoạch được nhiều hơn nhà bác Hùng 56 kg mận và ít hơn nhà bác Lâm 72 kg mận. Hỏi:

a) Nhà bác Long thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam mận?

b) Nhà bác Lâm thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam mận?

c) Cả ba nhà thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam mận?

Lời giải

a) Nhà bác Long thu hoạch được số ki-lô-gam mận là:

259 + 56 = 315 (kg).

b) Nhà bác Lâm thu hoạch được số ki-lô-gam mận là:

315 + 72 = 387 (kg).

c) Cả ba nhà thu hoạch được số ki-lô-gam mận là:

259 + 315 + 387 = 961 (kg).

Đáp số: a) 315 kg mận; b) 387 kg mận; c) 961 kg mận.

Bài 4. (0,5 điểm) Em hãy tìm số có ba chữ số mà chữ số hàng trăm nhân với 3 được chữ số hàng chục, chữ số hàng chục nhân với 3 được chữ số hàng đơn vị.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số cần tìm là 139.

(Nếu chữ số hàng trăm là 1, khi đó:*

Chữ số hàng chục là: 1 × 3 = 3.

Chữ số hàng đơn vị là: 3 × 3 = 9

Do đó ta được số: 139.

** Nếu chữ số hàng trăm là 2, khi đó:*

Chữ số hàng chục là: 2 × 3 = 6.

Chữ số hàng trăm là: 6 × 3 = 18 > 9 (loại)

Vậy số cần tìm là: 139.)

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	C	16	C	C	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) 528 kg – 91 kg + 103 kg = ... kg.

b) 453 cm – 2 m + 53 cm = ... cm.

c) 5 dm + 129 cm + 7 m = ... cm.

Lời giải

a) 528 kg – 91 kg + 103 kg = 437 kg + 103 kg = **540** kg.

b) 453 cm – 2 m + 53 cm = 453 cm – 200 cm + 53 cm = 253 cm + 53 cm = **306** cm.

c) 5 dm + 129 cm + 7 m = 50 cm + 129 cm + 700 cm = 179 cm + 700 cm = **879** cm.

Bài 2. (1,5 điểm) Độ dài đường gấp khúc MNPQTU dài 4 m, biết rằng đường gấp khúc này gồm 5 đoạn thẳng bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn thẳng dài bao nhiêu đề-xi-mét?

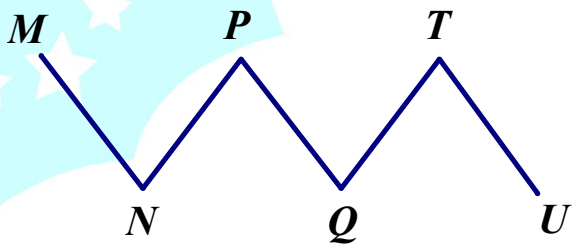

Lời giải

Đổi 4m = 40 dm.

Mỗi đoạn thẳng dài số đề-xi-mét là:

40 : 5 = 8 (dm).

Đáp số: 8 dm.

Bài 3. (2 điểm) Hiệu hai số bằng 274, nếu giữ nguyên số bị trừ, bớt số trừ đi 19 đơn vị thì hiệu hai số khi đó bằng bao nhiêu?

Lời giải

Nếu bớt số trừ đi 19 đơn vị thì hiệu hai số sẽ tăng lên 19 đơn vị.

Khi đó hiệu mới là:

274 + 19 = 293.

Đáp số: 293.

Bài 4. (0,5 điểm) Từ các chữ số: 3, 5, 2, 9 lập được bao nhiêu số có 3 chữ số khác nhau?

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: Lập được tất cả 24 số.

(Từ các chữ số 3, 5, 2, 9 lập được các số có 3 chữ số khác nhau:

- Có chữ số hàng trăm là 3: 352; 359; 325; 329; 395; 392.

- Có chữ số hàng trăm là 5: 532; 539; 523; 529; 592; 593.

- Có chữ số hàng trăm là 2: 235; 239; 253; 259; 293; 295.

- Có chữ số hàng trăm là 9: 935; 932; 923; 925; 952; 953.

Do đó có tất cả: 6 + 6 + 6 + 6 = 24 (số).

Vậy lập được tất cả 24 số có 3 chữ số khác nhau từ các chữ số 3, 5, 2, 9.)